

Số: /BC-SNN

Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2020

(DỰ THẢO)

BÁO CÁO

ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG CÁC VẤN ĐỀ LIÊN QUAN QUY ĐỊNH CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

I. HIỆN TRẠNG VỀ SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG NGHIỆP HỮU CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TUYỀN QUANG

1. Kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

a) Lĩnh vực trồng trọt:

Tuyên Quang có tổng diện tích tự nhiên 586,79 nghìn ha, trong đó: Đất nông nghiệp 540.404 ha (*Đất sản xuất nông nghiệp là 95.022 ha; Đất lâm nghiệp là 441.666 ha; đất nuôi trồng thủy sản là 3.388 ha; đất nông nghiệp khác 329 ha*). Dân số trên 760 nghìn người.

Trong những năm gần đây, giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản của tỉnh luôn đạt mức tăng trưởng trên 4%/năm. Cơ cấu giá trị sản xuất có xu hướng chuyển dịch nhẹ theo xu hướng tăng tỷ trọng giá trị ngành lâm nghiệp, giảm tỷ trọng ngành nông nghiệp, thủy sản (*năm 2018: Nông nghiệp chiếm 83,8; lâm nghiệp chiếm 13,2%; thủy sản chiếm 3,00%*). Năm 2019, Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt trên 8.768 tỷ đồng.

Về sản xuất trồng trọt: Chuyển đổi mạnh cơ cấu giống cây trồng, đưa các giống mới tiến bộ kỹ thuật mới vào sản xuất theo khung thời vụ tốt nhất¹; mở rộng diện tích lúa thuần chất lượng (*năm 2019 tăng 676 ha so với năm 2018*); năng suất tăng từ 10-15% so với đại trà; nâng cao hiệu quả sản xuất các vùng chuyên canh cây trồng hàng hóa. Thường xuyên phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức và hành động trong hoạt động xử lý rác thải (*vỏ chai lọ, bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng*) gắn với xây dựng nông thôn mới; làm tốt công tác bảo vệ thực vật; mở rộng diện tích sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn. Giá trị sản xuất

¹ Cơ cấu giống: Diện tích cây lúa lai chiếm 42,7% diện tích lúa cấy; nhóm lúa chất lượng đạt 7.361 ha, chiếm 27,2% ...

trồng trọt (*theo giá so sánh năm 2010*) đạt trên 4.196 tỷ đồng, tăng 2,5% so với năm 2018. Giá trị sản phẩm thu được bình quân trên 1 ha đất trồng trọt đạt gần 96 triệu đồng/năm, tăng 1,4 lần so với năm 2015.

Các vùng sản xuất chuyên canh cây trồng, vật nuôi chủ lực tiếp tục phát triển mạnh và có sự chuyển biến tích cực theo xu hướng sản xuất an toàn, tiêu chuẩn gắn với nhu cầu thị trường (cam, chè, mía,...); đã hình thành và phát triển khá ổn định một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung như: Cam, chè, mía, lạc, lúa chất lượng cao,...; một số sản phẩm trên địa bàn tỉnh đã xây dựng được nhãn hiệu, đang từng bước khẳng định thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường tiêu thụ.

Tuy nhiên, sản xuất trồng trọt ở Tuyên Quang hiện chưa khai thác được hết các tiềm năng thế mạnh của tỉnh, việc ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất còn nhiều hạn chế, đặc biệt là ứng dụng công nghệ cao ở tất cả các lĩnh vực (*giống, sản xuất, bảo quản, chế biến...*), tổ chức sản xuất chưa hiệu quả, còn rời rạc, các mô hình liên kết sản xuất còn ít và chưa phổ biến; sản phẩm sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn chưa nhiều; sản phẩm nông nghiệp làm ra chưa có được các kênh phân phối ổn định nên giá trị thu được còn thấp. Việc xây dựng nhãn hiệu sản phẩm còn ít, chưa có sản phẩm nào có chỉ dẫn địa lý. Chưa tạo được chuỗi liên kết, quy mô lớn từ sản xuất đến tiêu thụ cho một số sản phẩm hàng hóa như: cam, bưởi, ... Trên địa bàn tỉnh hiện nay mới có 04 sản phẩm trồng trọt đang được áp dụng sản xuất theo phương pháp hữu cơ, cụ thể như sau:

- **Cây lúa:** Diện tích lúa gieo cấy hàng năm đạt trên 44.000 ha; gần đây, ngoài việc sử dụng các giống lúa có năng suất cao thì những giống lúa đặc sản, chất lượng cao đã được người dân tăng cường sử dụng gieo cấy nhiều hơn. Năm 2019, diện tích lúa chất lượng cao đã được gieo cấy trên 6.000 ha, chiếm 13,6%. Tuy nhiên hiện nay, việc hình thành các vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung, cánh đồng lớn còn hạn chế. Diện tích lúa sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP, hữu cơ còn thấp. Năm 2019, huyện Sơn Dương đã triển khai xây dựng mô hình sản xuất lúa hữu cơ với diện tích 3,0 ha và được chứng nhận sản phẩm hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017. Sản lượng lúa hữu cơ của mô hình đạt 3,1 tấn, giá bán đạt 25.000 đồng/kg và cao hơn sản xuất thông thường 34,2 %.

- **Cây chè:** Diện tích chè toàn tỉnh hiện có là 8.558 ha, trong đó: Diện tích chè cho sản phẩm 7.930 ha; năng suất đạt 90,5 tạ/ha; tổng sản lượng đạt trên 71.700 tấn. Diện tích cây chè sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 804 ha, trong đó: Diện tích chè đã được chứng nhận VietGAP, 102 ha; diện tích được tổ chức Rainforest cấp chứng nhận SAN là 702 ha. Sản phẩm chè búp tươi đã cung ứng ổn định nguyên liệu cho 03 nhà máy chế biến chè lớn trong

tinh, sản phẩm chè khô xuất khẩu vào các thị trường như Nga, Pakistan, Đài Loan và một số nước châu Âu. Trên địa bàn huyện Na Hang và huyện Lâm Bình hiện có trên 1.300 ha chè Shan, được nông dân chăm sóc thu hái từ tự nhiên, việc thâm canh cây chè Shan chưa chịu tác động nhiều bởi phân bón hóa học, thuốc BVTV hóa học, đây là vùng sản xuất chè có nhiều tiềm năng cho sản xuất chè hữu cơ của tỉnh. Năm 2019, đã có 02 doanh nghiệp tổ chức sản xuất chè theo phương pháp hữu cơ đã được chứng nhận với diện tích 21,0 ha theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017. Sản lượng chè hữu cơ đạt 65 tấn/năm, giá bán 1.000.000 đồng/kg, cao hơn sản xuất thông thường 30%.

- **Cây cam:** Diện tích cam toàn tỉnh hiện có 8.601 ha, trong đó vùng sản xuất tập trung (*15 xã, thị trấn của huyện Hàm Yên, Chiêm Hóa*) có diện tích 7.557 ha, chiếm 92,3% diện tích toàn tỉnh, trong đó diện tích cam sành chiếm 78,8% diện tích cam toàn tỉnh, còn lại là các giống cam khác (*cam Chanh, cam Vinh, cam Valencia, BH32,...*). Năm 2019, sản lượng cam đạt 85,69 ngàn tấn, giá trị đạt khoảng trên 900 tỷ đồng. Diện tích cây cam sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đạt trên 805 ha, trong đó diện tích sản xuất áp dụng tiêu chuẩn VietGAP là 772 ha, diện tích cam sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ PGS là 30,1 ha. Từ năm 2018, Sở Nông nghiệp và PTNT đã phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng mô hình sản xuất nông nghiệp hữu cơ trên cây cam với diện tích 30,2 ha/05 nhóm sản xuất/17 hộ tại huyện Hàm Yên, sản lượng thu hoạch năm 2019 đạt trên 65 tấn; kết nối, đưa sản phẩm tiêu thụ tại các chuỗi cửa hàng thực phẩm sạch Bác Tâm, Tâm Đạt tại thành phố Hà Nội; chuỗi các cửa hàng, đại lý của Công ty TNHH Ba Lành tại thành phố Hà Nội, Đà Nẵng, thành phố Hồ Chí Minh với giá bán tại vườn 25.000 đồng/kg. 100 % sản phẩm cam hữu cơ bán ra được gắn tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

- **Cây bưởi:** Diện tích bưởi toàn tỉnh 3.681 ha, trong đó: Huyện Yên Sơn chiếm chủ yếu diện tích 3.024 ha, diện tích cho sản phẩm 679 ha; năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 89,7 tạ/ha, sản lượng 6.097 tấn. Diện tích bưởi được sản xuất theo tiêu chuẩn, quy chuẩn là 39,4 ha, trong đó: Sản xuất theo tiêu chuẩn VietGAP 10 ha; sản xuất hữu cơ 29,4 ha. Năm 2019, mô hình sản xuất hữu cơ được triển khai xây dựng tại xã Phúc Ninh, huyện Yên Sơn. Kết quả: Có 19 hộ/07 nhóm sản xuất được công nhận chuyển đổi theo tiêu chuẩn PGS với diện tích 29,4 ha bưởi; sản lượng bưởi quả đạt tiêu chuẩn xuất vườn đạt trên 8,0 vạn quả. Sở Nông nghiệp và PTNT đã hỗ trợ 10.000 tem truy xuất nguồn gốc sản phẩm cho Liên nhóm hữu cơ Yên Sơn và đã có 2.700 quả bưởi được dán tem truy xuất nguồn gốc bán ra thị trường với giá bán 25.000 đồng/quả.

Tuy nhiên, sản xuất trồng trọt hữu cơ trên địa bàn tỉnh còn manh mún, phân tán, chưa tạo được nhiều sản phẩm hàng hoá hữu cơ có giá trị kinh tế cao; sức cạnh tranh của nông sản hàng hóa thấp. Chưa hình thành các vùng sản xuất hữu cơ để phát huy tiềm năng, thế mạnh của địa phương.

b) Lĩnh vực chăn nuôi

Trong những năm qua, ngành chăn nuôi của tỉnh luôn được xác định giữ vai trò, vị trí quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, góp phần chuyển đổi cơ cấu ngành nông nghiệp trên địa bàn, giá trị sản xuất ngành tăng hàng năm, đàn gia súc, gia cầm phát triển theo hướng bền vững, gia tăng giá trị. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của bệnh Dịch tả lợn Châu Phi, mặc dù công tác phòng chống dịch bệnh được tập trung chỉ đạo thực hiện từ tỉnh đến các cơ sở chăn nuôi, nhưng do đặc tính của bệnh, nên đã ảnh hưởng không nhỏ đến phát triển của ngành, cụ thể: Đàn trâu: 100.615 con, đạt 97,14 % so với cùng kỳ năm 2018, đạt 95,2% KH; đàn bò: 37.050 con, đạt 105,3 % so với cùng kỳ năm 2018, đạt 101,1 % KH, trong đó: Đàn bò sữa là 4.300 con, sản lượng sữa tươi là 20.000 tấn, đạt 100% KH; đàn lợn: 552.800 con, đạt 92,7 % so với cùng kỳ năm 2018, đạt 92,7% KH; đàn gia cầm: 6.428 nghìn con, đạt 107 % so với cùng kỳ năm 2018, đạt 102,2% KH; tổng sản lượng thịt hơi 73.500 tấn, đạt 102,5 % so với cùng kỳ năm 2018, đạt 103% KH. Đàn gia cầm, đàn bò vượt chỉ tiêu kế hoạch, đàn trâu, đàn lợn không đạt chỉ tiêu về tổng đàn, nhưng sản lượng thịt hơi tăng 2,5% so với năm 2018, vượt kế hoạch đề ra. Bên cạnh đó, mặc dù đàn lợn bị ảnh hưởng lớn do bệnh Dịch tả lợn Châu Phi (số lợn buộc phải tiêu hủy trên 28.000 con tương đương trên 13.000 tấn lợn hơi), nhưng giá trị sản xuất chăn nuôi đạt 2.747 tỷ đồng (theo giá so sánh) vượt kế hoạch đề ra của năm 2019.

Chăn nuôi bước đầu đã hình thành vùng chăn nuôi tập trung đối với một số đối tượng vật nuôi chính. Chăn nuôi đã có sự chuyển biến rõ nét về tổ chức sản xuất, mô hình chăn nuôi trang trại, gia trại, tập trung theo chuỗi khép kín, quy mô lớn, công nghệ cao; chăn nuôi VietGAP, an toàn dịch bệnh được hình thành và nhân rộng; việc ứng dụng khoa học kỹ thuật tiên tiến, đồng bộ trong sản xuất như: Sử dụng các giống tiến bộ, thức ăn công nghiệp, bán công nghiệp, các quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng, các hệ thống chuồng trại tiên tiến, các biện pháp phòng chống dịch bệnh... được người chăn nuôi qua tâm thực hiện và đã thu được nhiều kết quả khả quan, công tác khuyến nông, chuyển giao các mô hình và tiến bộ kỹ thuật cho người nông dân đã tích cực góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong chăn nuôi, cung cấp cho thị trường các sản phẩm bảo đảm an toàn thực phẩm phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.

Việc hình thành các sản phẩm truy xuất nguồn gốc, nhãn mác, nhãn hiệu, xây dựng thương hiệu đã được người chăn nuôi quan tâm chú trọng, một số sản phẩm chăn nuôi đã thực hiện ký kết các hợp đồng tiêu thụ, các Hợp tác xã nông nghiệp, kinh tế trang trại, gia trại cùng các loại hình dịch vụ ở nông thôn được củng cố, hỗ trợ có hiệu quả cho người sản xuất. Năng lực trong sản xuất và kinh doanh của gia đình hộ nông dân được nâng lên, vì vậy đã làm tăng thu nhập, cải thiện được cuộc sống, góp phần tích cực trong xây dựng nông thôn mới.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành chăn nuôi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: Phương thức chăn nuôi mang tính quảng canh, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp, chưa tạo được thương hiệu trên thị trường; chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn chiếm đa số, hiện toàn tỉnh có 275 trang trại (chiếm khoảng 0,2%); trong đó: 01 trang trại chăn nuôi bò sữa được chứng nhận GlobalGAHP; 04 cơ sở chứng nhận VietGAHP; 14 trang trại được cấp chứng nhận an toàn dịch bệnh; chưa có cơ sở chăn nuôi hữu cơ được chứng nhận.

Chăn nuôi hữu cơ của tỉnh mới ở dạng sơ khai, chủ yếu đang tập trung chú trọng trong áp dụng kỹ thuật để tăng năng suất, chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành tốt, bước đầu mới được quan tâm thực hiện, với tỷ lệ khiêm tốn chỉ chiếm 3 % so với tổng sản lượng. Việc đáp ứng các điều kiện đối với chăn nuôi hữu cơ cũng đang đặt ra vấn đề đối với người chăn nuôi, vì chăn nuôi hữu cơ không chỉ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn giống, thức ăn hữu cơ mà phải đảm bảo phúc lợi động vật trong chăn nuôi. Mặt khác chăn nuôi hữu cơ đòi hỏi dài ngày, tăng trọng thấp, tiêu tốn nhiều thức ăn và nhân công, chi phí đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ còn gặp nhiều khó khăn. Người tiêu dùng chưa biết nhiều đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, công tác truyền thông, thông tin chưa mạnh mẽ nên nhu cầu chưa cao.

c) Lĩnh vực thủy sản

Trong những năm qua, hoạt động nuôi trồng thủy sản đã phát triển về cả diện tích, sản lượng và giá trị sản xuất. Đã tận dụng và phát huy lợi thế, tiềm năng diện tích đất, mặt nước các loại hình ao, hồ nhỏ, sông, hồ thủy lợi, hồ thủy điện để đẩy mạnh phát triển nuôi trồng thủy sản, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Sản lượng thủy sản năm 2019 đạt 8.625,4 tấn (tăng 7,3 % so với năm 2018), trong đó sản lượng nuôi trồng đạt 7.651,37 tấn, sản lượng khai thác 941,6 tấn (tăng 6,4% so với năm 2018).

- Phát triển thủy sản tại ao, hồ nhỏ: Việc chuyển đổi hình thức nuôi trồng thủy sản từ quảng canh sang nuôi bán thâm canh và thâm canh đã dần được hình thành, tập trung tại một số khu vực của hạ huyện Sơn Dương, Yên Sơn và thành phố Tuyên Quang. Diện tích nuôi bán thâm canh và thâm canh hiện chiếm 11,5% tổng diện tích ao hồ nhỏ. Một số tổ chức, cá nhân đã áp dụng nuôi trồng thủy sản theo hướng VietGAP và dần chuyển đổi cơ cấu nuôi từ các loài cá truyền thống sang nuôi các loài thủy sản có giá trị kinh tế cao như: Cá rô phi đơn tính, chép lai V1, cá Bống, cá Lăng chằm...

- Nuôi cá lồng/bè trên sông, hồ thủy điện: Số lượng lồng nuôi cá là 2.081 lồng (tăng 7,2% so với năm 2018), trong đó có 870 lồng nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế (cá Chiên, cá Lăng, cá Bống, cá Tầm, cá Quả) và 1.211 lồng nuôi các loại cá truyền thống (cá Trắm cỏ, cá Chép, cá Rô phi...). Việc chuyển đổi loại hình nuôi cá bằng lồng kích thước 9-12m³ sang lồng kích thước 108m³ trên hồ thủy điện đã có sự chuyển biến rõ rệt.

- Cơ cấu giống thủy sản đã có những chuyển biến tích cực, các giống truyền thống trong ao có năng suất thấp đã từng bước được thay thế bằng các giống cá có năng suất, chất lượng và phù hợp với thị hiếu của người tiêu dùng như: Cá chép lai, cá trắm, cá rô phi đơn tính; việc nuôi các loài cá truyền thống bằng lồng đã chuyển dịch dần sang nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao (cá Chiên, cá Bống, cá Lăng...). Nhiều mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học vào sản xuất mang lại hiệu quả được nhân rộng như: Mô hình nuôi cá quả, cá lăng nha trên hồ thủy điện; mô hình nuôi cá lăng chằm thương phẩm trong ao; mô hình nuôi cá chiên bằng lồng trên sông Lô.

- Tình hình nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao: Trong những năm gần đây tình hình phát triển nuôi cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế của tỉnh đã có những bước phát triển khá, nhất là trên các hồ thủy điện và trên sông, sản lượng cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao tăng trưởng bình quân 56,7%/năm. Sản lượng cá đặc sản năm 2019 đạt 600 tấn.

- Việc áp dụng các tiêu chuẩn nuôi trồng thủy sản tiên tiến, đảm bảo an toàn thực phẩm: Tính đến thời điểm hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã có 03 tổ chức được cấp giấy chứng nhận nuôi trồng thủy sản theo tiêu chuẩn VietGAP với tổng dung tích lồng nuôi là 15.444m³, sản lượng 256 tấn/năm; 02 cơ sở nuôi trồng thủy sản, thực hiện kiểm soát theo chuỗi, được Bộ Nông nghiệp và PTNT đưa vào danh sách địa chỉ xanh cung cấp thực phẩm sạch,

Tuy nhiên, nuôi trồng thủy sản của tỉnh ta mới bắt đầu phát triển mạnh mẽ trong 10 năm trở lại đây; kinh nghiệm sản xuất còn hạn chế, việc đầu tư

thâm canh sản xuất cho thủy sản còn gặp nhiều khó khăn, công tác tuyên truyền tập huấn chưa được triển khai, nhận thức của nông dân, doanh nghiệp còn sơ sài và chưa đúng về sản xuất thủy sản hữu cơ; quy trình sản xuất thủy sản hữu cơ khắt khe, cơ sở hạ tầng phục vụ cho chăn nuôi thủy sản còn thấp; hiện nay chưa có cơ sở chăn nuôi thủy sản nào sản xuất theo tiêu chuẩn hữu cơ và được chứng nhận sản phẩm hữu cơ.

2. Đánh giá về sản xuất nông nghiệp hữu cơ trong và ngoài tỉnh

2.1 Sản xuất nông nghiệp hữu cơ ngoài tỉnh

Hiện nay trên toàn quốc có 30/63 tỉnh, thành đã triển khai sản xuất nông nghiệp hữu cơ và theo hướng hữu cơ với 59 cơ sở sản xuất. Trong đó Bến Tre là tỉnh có diện tích trồng trọt hữu cơ lớn nhất, với quy mô trên 3.000 ha chủ yếu là dừa và tỉnh Ninh Thuận là tỉnh có diện tích trồng trọt theo hướng hữu cơ lớn nhất với quy mô trên 400 ha nho, táo, rau (riêng diện tích trồng nho theo hướng hữu cơ là 284 ha).

Đã có một số Hợp tác xã thực hiện sản xuất nông nghiệp hữu cơ từ nhiều năm, sản phẩm sản xuất ra đã có sự gia tăng về giá trị như mô hình sản xuất rau ở huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; mô hình sản xuất rau tại huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; Mô hình sản xuất rau tại Hội An, chè Shan tuyết của huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai. Các sản phẩm sản xuất ra được tiêu thụ tại các thành phố lớn như: Hà Nội, Hội An, Đà Nẵng...Giá trị thu được ước đạt trên 300 triệu đồng/ha/năm.

Xuất phát từ nhu cầu thị trường và sự chủ động của các doanh nghiệp, hợp tác xã, trang trại, hộ sản xuất đã hình thành các vùng sản xuất rau, củ quả hữu cơ, đã triển khai lấy chứng nhận hữu cơ quốc tế để bán sản phẩm ở trong nước. Trong đó có thể kể đến Trang trại rau Long Thành, Đồng Nai với quy mô diện tích 1,8 ha. Tập đoàn TH áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ dành cho Hoa Kỳ (USDA-NOP) và Chứng nhận hữu cơ của châu Âu (EC 834/2007) cho trang trại rau FVF diện tích 14,7 ha và trang trại dược liệu 20 ha tại huyện Nghĩa Đàn và huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An.

Bên cạnh đó, nhiều doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực sản xuất nông nghiệp hữu cơ đã có sản phẩm được các tổ chức quốc tế chứng nhận và xuất khẩu thành công vào các thị trường EU, Hoa Kỳ, Trung Quốc như Công ty Viễn Phú sản xuất gạo hữu cơ với quy mô 200 ha, 2 vụ/năm, rau hữu cơ 50 ha/năm; Công ty Organic Đà Lạt, Công ty TH Herbals xuất khẩu nguyên liệu thảo dược. Công ty Ecolink và Công ty Hùng Cường xây dựng hệ thống công nhận quốc tế

(ICS) dựa trên mạng lưới sản xuất chè nông hộ hữu cơ với giống chè Shan tuyết tại Bản Liên, tỉnh Lào Cai (374 ha), tại Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang (645 ha).

Hiện nay một số tỉnh, thành đã đưa nội dung sản xuất nông nghiệp hữu cơ và nội dung xây dựng nông thôn mới là nội dung phát triển nông nghiệp, nâng cao thu nhập, bảo vệ môi trường như tỉnh: Hà Tĩnh, Tây Ninh, Hà Nam; xây dựng các sản phẩm OCOP của địa phương trong chương trình xây dựng nông thôn mới như sản phẩm bưởi, rau của tỉnh Hòa Bình; rau, bò sữa của tỉnh Hà Nam...

2.1. Sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại Tuyên Quang

Được sự quan tâm của tỉnh, ngày 30/11/2017, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang đã ban hành Quyết định số 1386/QĐ-UBND về thành lập Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang. Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang đã được thành lập và đi vào hoạt động từ tháng 5 năm 2018, đồng thời ban hành Điều lệ Hội làm căn cứ tổ chức thực hiện. Hội đã hướng dẫn, hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, người sản xuất tiếp cận, cập nhật thông tin về sản xuất, quảng bá, giới thiệu và tiêu thụ sản phẩm hữu cơ.

Hệ thống đảm bảo cùng tham gia (PGS) tại Tuyên Quang ra đời, là thành viên của Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang, dưới sự hỗ trợ về kỹ thuật từ PGS Việt Nam, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam đã tuyên truyền, hỗ trợ, thúc đẩy nông dân các vùng sản xuất nông nghiệp hữu cơ của tỉnh trong việc áp dụng tiêu chuẩn hữu cơ và chứng nhận hệ thống đảm bảo.

Từ năm 2017 đến nay, được sự hỗ trợ từ Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam, tỉnh Tuyên Quang được tham gia thực hiện Dự án Tăng cường cơ cấu sản xuất và tiếp thị cho sản phẩm nông nghiệp hữu cơ ở phía Bắc Việt Nam (MOAP) của Tổ chức Phát triển Nông nghiệp Đan Mạch Châu Á (ADDA) đã cử 03 cán bộ tham gia lớp đào tạo giảng viên về sản xuất nông nghiệp hữu cơ tại huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình; tổ chức 01 lớp cập nhật kiến thức về Nông nghiệp hữu cơ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các Sở, Ngành, Lãnh đạo, cán bộ quản lý nông nghiệp các huyện, thành phố, doanh nghiệp, Hợp tác xã, chủ các trang trại trên địa bàn tỉnh với 130 đại biểu tham gia; mở 08 lớp học hiện trường, huấn luyện nông dân sản xuất hữu cơ trên cây cam, bưởi, chè, lúa và chăn nuôi gà với trên 240 học viên tham gia. Sau khi khóa học kết thúc các học viên tham gia lớp huấn luyện đã tiến hành áp dụng sản xuất hữu cơ trên các cây cam, bưởi, chè tại các huyện Hàm Yên, Yên Sơn, Sơn Dương với diện tích 60,7 ha. Thiết lập được 03 liên nhóm nông dân sản xuất nông nghiệp hữu cơ và được Sở Nông nghiệp và PTNT, Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang, PGS Tuyên

Quang hỗ trợ, tư vấn, hướng dẫn sản xuất theo phương pháp hữu cơ từ tháng 3 năm 2018 đến nay.

Tính đến hết năm 2019, trên toàn tỉnh đã có 30,1 ha cam, 29,0 ha bưởi được công nhận sản xuất hữu cơ chuyển đổi theo tiêu chuẩn PGS; 21 ha chè, 3,0 ha lúa được chứng nhận sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017. Việc tổ chức sản xuất đã gắn kết với các doanh nghiệp để tiêu thụ sản phẩm cho nông dân.

Chăn nuôi hữu cơ của tỉnh hiện nay mới ở dạng sơ khai, chủ yếu đang tập trung chú trọng trong áp dụng kỹ thuật để tăng năng suất, chăn nuôi theo tiêu chuẩn thực hành tốt, bước đầu mới được quan tâm thực hiện, với tỷ lệ khiêm tốn (chỉ chiếm 3 % so với tổng sản lượng). Việc đáp ứng các điều kiện đối với chăn nuôi hữu cơ cũng đang đặt ra đối với người chăn nuôi, vì chăn nuôi hữu cơ không chỉ đáp ứng yêu cầu về tiêu chuẩn giống, thức ăn hữu cơ mà phải đảm bảo phúc lợi động vật trong chăn nuôi. Mặt khác chăn nuôi hữu cơ đòi hỏi dài ngày, tăng trọng thấp, tiêu tốn nhiều thức ăn và nhân công, chi phí đầu tư lớn, thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ còn gặp nhiều khó khăn. Người tiêu dùng chưa biết nhiều đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, công tác truyền thông, thông tin chưa mạnh mẽ nên nhu cầu chưa cao.

Việc thực hiện chăn nuôi hữu cơ mới dừng ở việc tổ chức mô hình, với quy mô nhỏ. Năm 2019, Hiệp hội Nông nghiệp hữu cơ Việt Nam đã tổ chức tập huấn chăn nuôi gia cầm hữu cơ (gà), với 30 người tham gia; Trung tâm Ứng dụng tiến bộ khoa học và Công nghệ Tuyên Quang đã tổ chức xây dựng mô hình nuôi lợn hữu cơ (lợn thịt), quy mô 100 con thực hiện Dự án “Xây dựng mô hình chăn nuôi, trồng trọt theo phương pháp hữu cơ tại tỉnh Tuyên Quang”. Hiện nay trên địa bàn tỉnh chưa có mô hình, trang trại được công nhận chăn nuôi hữu cơ.

3. Hoạt động chứng nhận sản phẩm hữu cơ

Hiện nay hoạt động chứng nhận hữu cơ tại Việt Nam chủ yếu được thực hiện bởi các các tổ chức chứng nhận nước ngoài, thực hiện đánh giá theo tiêu chuẩn USDA-NOP hay EC 834/2007 để phục vụ cho yêu cầu cụ thể của một số thị trường xuất khẩu. Ngày 11/11/2019, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Thông tư 16/2019/TT-BNNPTNT quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 109/2018/NĐ-CP ngày 29/8/2018 của Chính phủ về Nông nghiệp hữu cơ.

Hoạt động tự đánh giá, tự công bố theo hình thức của chương trình Hệ thống đảm bảo cùng tham gia PGS của IFOAM đã được triển khai tại 6 hệ thống tại các địa phương bao gồm: Huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội; huyện Lương Sơn và huyện Tân Lạc, tỉnh Hòa Bình; huyện Trác Văn, tỉnh Hà Nam; thành phố

Hội An, tỉnh Quảng Nam; tỉnh Bến Tre và tỉnh Tuyên Quang đã thu hút trên 400 thành viên tham gia với diện tích sản xuất trên 100 ha, sản phẩm được cung cấp cho thị trường nội địa.

Tại Tuyên Quang, hiện nay Hệ thống đảm bảo cùng tham gia PGS Tuyên Quang đã chứng nhận sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn PGS trong giai đoạn chuyển đổi cho 30,1 ha cam, 29,0 ha bưởi được; 17,0 ha chè, 3,0 ha lúa được chứng nhận sản xuất hữu cơ theo tiêu chuẩn TCVN 11041-2:2017 từ bên thứ 3 là các tổ chức chứng nhận được Bộ Nông nghiệp và PTNT chỉ định.

4. Đánh giá nhu cầu sản phẩm hữu cơ trên thị trường

Hiện nay, người tiêu dùng đã thận trọng hơn trong việc lựa chọn thực phẩm, bởi họ đặt sức khỏe lên hàng đầu. Với đặc điểm an toàn, đảm bảo vệ sinh thực phẩm và tốt cho sức khỏe, sản phẩm hữu cơ ngày càng được người tiêu dùng ưa chuộng. Hiện nay tiêu thụ sản phẩm hữu cơ đã trở thành một xu hướng mới ở Việt Nam. Thậm chí, trong vài năm trở lại đây, các sản phẩm hữu cơ đang tạo nên cơn sốt đối với một bộ phận người tiêu dùng.

Tuy nhiên, hiện nay thị trường tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong nước còn gặp nhiều khó khăn. Do người tiêu dùng chưa biết nhiều đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, công tác truyền thông, thông tin chưa mạnh mẽ nên nhu cầu trong nước chưa cao. Giá bán sản phẩm hữu cơ còn cao so với mức sống của người dân nên tiêu thụ sản phẩm hữu cơ trong nước còn gặp một số khó khăn.

5. Về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất chung hiện nay và sản xuất nông nghiệp hữu cơ

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh đã ban hành và triển khai thực hiện một số chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp hàng hóa, bao gồm: Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về Chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi chủ lực; Nghị quyết số 09/2019/NQ-HĐND ngày 01/08/2019 Về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết số 12/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất hàng hóa đối với một số cây trồng, vật nuôi; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp chất lượng cao trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2018-2021; Nghị quyết số 10/2014/NQ-HĐND ngày 22/7/2014 của HĐND tỉnh về Chính sách khuyến khích phát triển kinh tế trang trại; Nghị quyết số 03/2017/NQ-HĐND ngày 25/7/2017 của HĐND tỉnh chính sách hỗ trợ giống cây lâm nghiệp; Nghị quyết số 05/2016/NQ-HĐND ngày 13/7/2016 của HĐND tỉnh về Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác

xã; Nghị quyết 11/2019/ NQ-HDND ngày 01/08/2019 Chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Ngày 29/8/2018, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 109/2018/NĐ-CP về Nông nghiệp hữu cơ (Nghị định số 109/2018/NĐ-CP) có hiệu lực thi hành từ 15/10/2018, trong đó có nhiều cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã, trang trại, hộ gia đình, nhóm hộ sản xuất sản phẩm hữu cơ. Cụ thể, theo Nghị định số 109/2018/NĐ-CP, hỗ trợ 100% kinh phí xác định các vùng, khu vực đủ điều kiện sản xuất hữu cơ ; hỗ trợ một lần 100% chi phí cấp giấy chứng nhận sản phẩm phù hợp tiêu chuẩn Việt Nam về nông nghiệp hữu cơ do Tổ chức chứng nhận cấp (cấp lần đầu hoặc cấp lại); hỗ trợ đào tạo, tập huấn sản xuất hữu cơ; hỗ trợ kinh phí xây dựng, nhân rộng mô hình sản xuất hữu cơ...

II. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Thuận lợi

1.1-Về trồng trọt

Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh luôn quan tâm chỉ đạo phát triển, mở rộng sản xuất nông nghiệp hữu cơ, bền vững thân thiện với môi trường, nâng cao năng suất, sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp trên thị trường.

Hội Nông nghiệp hữu cơ tỉnh Tuyên Quang đã được thành lập, hoạt động của Hội là tư vấn, hỗ trợ nông dân; hệ thống đảm bảo cùng tham gia PGS Tuyên Quang được thành lập và hoạt động tích cực, giám sát theo chuỗi từ khi sản xuất đến người tiêu dùng đã được hình thành với sự tham gia của nhiều doanh nghiệp và nhóm hộ nông dân trong tỉnh.

Khoa học công nghệ tiếp tục được đẩy mạnh ứng dụng vào sản xuất; các vùng sản xuất chuyên canh cây trồng chủ lực tiếp tục phát triển mạnh; diện tích sản xuất hàng hóa nông nghiệp theo tiêu chuẩn VietGAP, Rainforest, hữu cơ được quan tâm thực hiện. Trong đó nhiều nông sản hàng hóa tiếp tục khẳng định được thương hiệu và chiếm lĩnh thị trường trong nước và xuất khẩu (*chè Bát Tiên Mỹ Bằng, chè đặc sản Vĩnh Tân; bưởi Xuân Vân đứng TOP 10 Thương hiệu-Nhãn hiệu nổi tiếng năm 2018*) góp phần quan trọng vào xây dựng nông thôn mới. Chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ cây ngắn ngày, vườn tạp sang trồng cây ăn quả hàng hóa có giá trị thu nhập cao đặc biệt tại các huyện Hàm Yên, Yên Sơn.

Người sản xuất đã có kinh nghiệm sản xuất hữu cơ theo phương thức truyền thống. Nhiều doanh nghiệp có xu hướng đầu tư vào sản xuất nông nghiệp an toàn, nông nghiệp sạch, nông nghiệp sinh thái gắn với nông nghiệp hữu cơ đối với nhiều đối tượng cây trồng, vật nuôi, trong đó đặc biệt chú trọng sản xuất nông nghiệp

hữu cơ đối với một số cây trồng đặc hữu, bản địa có lợi thế cạnh tranh vùng miền của tỉnh ta như: Cam sành, chè Shan, lúa đặc sản, bưởi đường,....

Công tác lập quy hoạch, rà soát vùng đủ điều kiện sản xuất hữu cơ được tỉnh quan tâm triển khai.

1.2-Về chăn nuôi

Trong thời gian qua tỉnh luôn coi trọng công tác phát triển chăn nuôi, nhiều chính sách nhằm hỗ trợ phát triển chăn nuôi đã được ban hành, đặc biệt đối với việc phát triển chăn nuôi theo hướng ổn định, gia tăng giá trị, bền vững, bảo vệ môi trường luôn được xác định là một trong những mục tiêu cơ bản của phát triển bền vững.

Công tác lập quy hoạch, kế hoạch phát triển chăn nuôi gắn với bảo vệ môi trường được chú trọng; công tác tuyên truyền, giáo dục chính sách, pháp luật được quan tâm; việc triển khai sản xuất hữu cơ bước đầu được triển khai thực hiện, mặc dù mới ở quy mô nhỏ, dưới dạng mô hình.

Môi trường kinh doanh nông nghiệp trong tỉnh (tiếp cận tín dụng, thuế quan) đã được cải thiện rõ rệt, tỉnh đã ban hành nhiều chính sách thu hút doanh nghiệp đầu tư phát triển chăn nuôi trên địa bàn. Đã có những Công ty, tập đoàn lớn như: Tập đoàn TH, DABACO, Hồ Hoàn... đã đầu tư vào lĩnh vực chăn nuôi, xây dựng các trang trại chăn nuôi tập trung áp dụng công nghệ cao hoặc chăn nuôi khép kín từ giống, vật tư đầu vào đến sản xuất và tiêu thụ; hệ thống giao thông đường bộ tốt, kết nối Tuyên Quang với các thành phố lớn (Hà Nội, Hải Phòng...) và Trung Quốc đã tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển.

1.3-Về thủy sản

Với diện tích mặt nước trên 12.000 ha và lợi thế là hàm lượng oxy hòa tan cao, nguồn nước trong sạch thuận lợi cho phát triển nuôi trồng thủy sản nói chung và thủy sản hữu cơ nói riêng.

Lực lượng lao động tham gia vào lĩnh vực phát triển thủy sản của tỉnh dồi dào, người dân bước đầu đã có kinh nghiệm trong sản xuất, đã mạnh dạn áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật góp phần nâng cao năng suất, giá trị, hiệu quả sản xuất. Hệ thống sản xuất và cung ứng giống trên địa bàn tỉnh đã từng bước đáp ứng được một phần nhu cầu con giống, một số đối tượng thủy sản có giá trị kinh tế cao đã áp dụng cho sinh sản nhân tạo thành công.

Trên địa bàn tỉnh đã có một số doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác đầu tư phát triển thủy sản, đây là những hạt nhân, đầu tàu để phát triển kiên kết sản xuất, nâng cao sản lượng và giá trị thủy sản hàng hóa của tỉnh.

2. Khó khăn, hạn chế

2.1-Về trồng trọt

Diện tích, năng suất các cây trồng chủ lực tuy đã tăng nhưng chất lượng, giá trị còn thấp, việc sản xuất gắn với nhu cầu thị trường chưa được nhiều. Sản phẩm sản xuất theo các tiêu chuẩn, quy chuẩn còn ít. Một số loại cây ăn quả phát triển chưa theo quy hoạch.

Liên kết sản xuất giữa người nông dân với doanh nghiệp và hợp tác xã còn chưa chặt chẽ, thiếu bền vững. Thiếu các doanh nghiệp đầu tư trong chuỗi liên kết với nông dân. Một số sản phẩm chủ lực như cam, chè chưa được tái cơ cấu, liên kết sản xuất theo chuỗi từ sản xuất, tiêu thụ.

Việc xây dựng nhãn hiệu sản phẩm còn ít, hiện nay chưa có sản phẩm có chỉ dẫn địa lý. Việc xúc tiến thương mại, quảng bá sản phẩm chưa được quan tâm đúng mức.

Sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn nhỏ lẻ, tự phát, chưa có quy hoạch hay định hướng về đất hay đối tượng cây trồng để phát triển sản xuất. Thị trường nội địa cho sản phẩm hữu cơ phát triển chậm. Khung pháp lý cho sản xuất hữu cơ, chứng nhận, giám sát chất lượng sản phẩm nông nghiệp hữu cơ còn thiếu, lòng tin của người tiêu dùng với sản phẩm hữu cơ chưa cao.

2.2-Về chăn nuôi

Ngành chăn nuôi phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn, thách thức, như: Phương thức chăn nuôi mang tính quảng canh, năng suất thấp, giá thành sản phẩm cao, chất lượng và an toàn thực phẩm chưa ổn định, sức cạnh tranh thấp, chưa tạo được thương hiệu trên thị trường.

Chăn nuôi nông hộ, quy mô nhỏ lẻ, phân tán, nằm xen kẽ trong khu dân cư trên địa bàn chiếm đa số, hiện toàn tỉnh có 275 trang trại (chiếm khoảng 0,2%), trong đó: 01 trang trại chăn nuôi bò sữa được chứng nhận GlobalGAHP; 04 cơ sở chứng nhận VietGAHP; 14 trang trại được cấp chứng nhận an toàn dịch bệnh; chưa có cơ sở chăn nuôi hữu cơ được chứng nhận.

2.3-Về thủy sản

Trình độ sản xuất và khoa học kỹ thuật của nước ta còn thấp so với nhiều nước sản xuất hữu cơ trên thế giới nên còn nhiều hạn chế trong kiểm soát dịch bệnh và chất lượng sản phẩm, năng suất chưa cao.

Hiện nay chưa có quy chuẩn về nuôi trồng thủy sản hữu cơ nên gặp khó khăn cho việc hướng dẫn người nuôi cũng như cơ quan quản lý.

Sản lượng thủy sản sản xuất ra chưa được nhiều; tốc độ tăng trưởng nuôi cá đặc sản còn thấp; chưa có nhiều các mô hình sản xuất cá đặc sản trong ao, hồ có điều kiện phù hợp.

Đầu ra của một số loài cá đặc sản, cá có giá trị kinh tế cao chưa ổn định, chủ yếu là xuất bán qua thương lái thu gom, chợ đầu mối, một số các nhà hàng ở các thành phố lớn; chưa có liên kết theo chuỗi từ sản xuất cho đến tiêu thụ; chưa xây dựng được thương hiệu cá đặc sản của tỉnh; việc tiêu thụ sản phẩm chủ yếu là bán tươi sống, chưa qua chế biến nên giá trị gia tăng chưa cao.

Cơ sở hạ tầng như hệ thống điện, giao thông đến một số cơ sở nuôi trồng thủy sản trên Hồ thủy điện Tuyên Quang (khu vực thuộc huyện Lâm Bình), hồ thủy điện Chiêm Hóa còn gặp nhiều khó khăn.

Chưa có lực lượng quản lý nuôi trồng, khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản tại các huyện, đặc biệt là các khu vực có tiềm năng, lợi thế về phát triển thủy sản như trên hồ thủy điện.

3. Nguyên nhân

- Với những biến động về thị trường, giá cả hàng hóa nông nghiệp của cả nước đã ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất nông nghiệp hàng hóa của tỉnh. Việc nông sản bán thô và phụ thuộc vào một số thị trường nhất định, dẫn tới giá nông sản hàng hóa thời gian qua có nhiều biến động giảm, giá một số nông sản giảm sâu gây thiệt hại cho sản xuất và tâm lý lo ngại của người dân và doanh nghiệp sản xuất nông nghiệp; công tác dự báo, cảnh báo thị trường cho người sản xuất chưa được quan tâm thực hiện.

- Chưa thu hút được nhiều doanh nghiệp có tiềm lực kinh tế đầu tư vào sản xuất hữu cơ và chế biến sâu đối với một số sản phẩm cây ăn quả chủ lực của tỉnh như cam, bưởi. Chưa thu hút được các doanh nghiệp lớn, có tiềm lực mạnh đầu tư phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Chưa có sự liên kết vùng trong chuỗi giá trị hàng hóa các sản phẩm chủ lực của tỉnh.

- Việc sản xuất ở một số nơi chưa theo quy hoạch, sản xuất theo tiêu chuẩn quy chuẩn còn ít, việc áp dụng sản xuất theo các quy trình thực hành nông nghiệp tốt đã được quan tâm nhưng diện tích áp dụng chưa nhiều; thiếu những diện tích đất "Sạch" để phục vụ cho sản xuất hữu cơ; những vùng, hộ gia đình có diện tích đất nông nghiệp lớn, thì lại thiếu vốn và nhân công để phát triển nông nghiệp hữu cơ.

- Công tác đào tạo, tập huấn kỹ thuật về sản xuất nông nghiệp hữu cơ còn nhiều hạn chế. Trình độ sản xuất và khoa học kỹ thuật áp dụng vào sản xuất hữu cơ còn thấp, việc kiểm soát dịch bệnh, chất lượng sản phẩm còn gặp nhiều khó

khăn; sản xuất nông nghiệp hữu cơ có quy trình sản xuất khép kín, phải có thời gian dài để cải tạo đất, chi phí cho sản xuất cao.

- Công tác truyền thông, thông tin về lợi ích cũng như vai trò của sản xuất nông nghiệp hữu cơ chưa mạnh mẽ, người sản xuất cũng như người tiêu dùng chưa biết nhiều đến những lợi ích mà sản phẩm hữu cơ mang lại, nên nhu cầu về sản phẩm hữu cơ trong nước chưa cao, thị trường cho sản phẩm hữu cơ chưa ổn định.

- Hiện nay, phát triển nông nghiệp hữu cơ đã được Chính phủ, Bộ Nông nghiệp và PTNT, Bộ Khoa học và Công nghệ đã có định hướng phát triển nông nghiệp hữu cơ, ban hành Nghị định và tiêu chuẩn nông nghiệp hữu cơ, bước đầu có chính sách ưu đãi về vốn và chuyển giao khoa học kỹ thuật cho người sản xuất nông nghiệp hữu cơ. Đây là một trong những định hướng quan trọng cho nông nghiệp hữu cơ có điều kiện để tăng trưởng nhanh trong thời gian tới, tạo ra sản phẩm, thu nhập mới cho nông nghiệp, nông dân và nông thôn.

Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (báo cáo);
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức chính trị xã hội tỉnh;
- Các sở, ngành liên quan;
- UBND các huyện, thành phố;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu VT, PTNT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Đại Thành